CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây dựng số 5

Ngày 30/09/2025	16,250 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.3%	**-2.1%**	**-**

DT thuần
Q3/25
554
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 71.0| 14.7%
YoY: ▼20.0| -3.5%

LN thuần
Q3/25
7.27
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.33| -46.5%
YoY: ▼0.83| -10.2%

LN sau thuế
Q3/25
5.82
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.18| -47.1%
YoY: ▼0.66| -10.2%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
4.2%
YoY: +/-▼ 1.7%

ROE (TTM)
Q3/25
9.1%
YoY: +/-▼ 0.3%

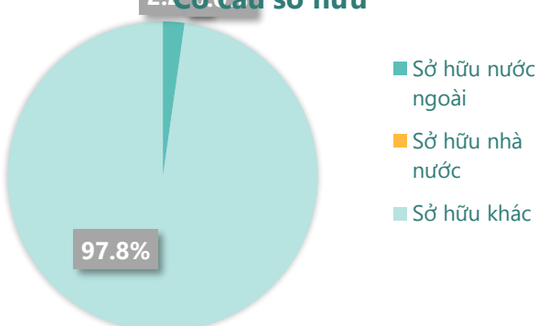
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,750 - 22,950
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	243
Số lượng CPLH (CP)	14,983,499
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,495
Sở hữu nước ngoài	2.2%
Beta	0.44
EPS	2,340
P/E	6.9

DT thuần
9T 2025
1,505
tỷ VNĐ
YoY: ▼337| -18.3%

LN thuần
9T 2025
27.0
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.10| -7.0%

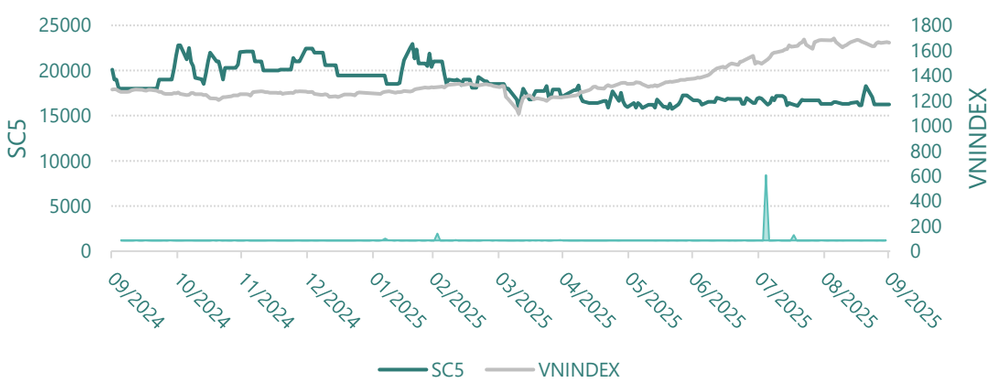
LN sau thuế
9T 2025
21.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼1.90| -8.4%

Cơ cấu sở hữu

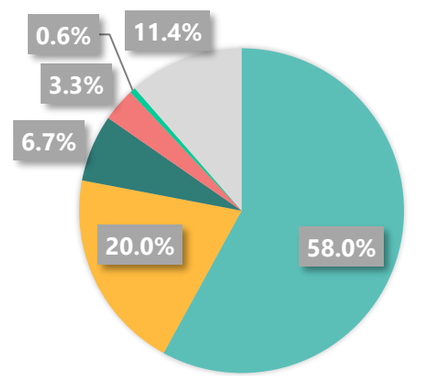


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



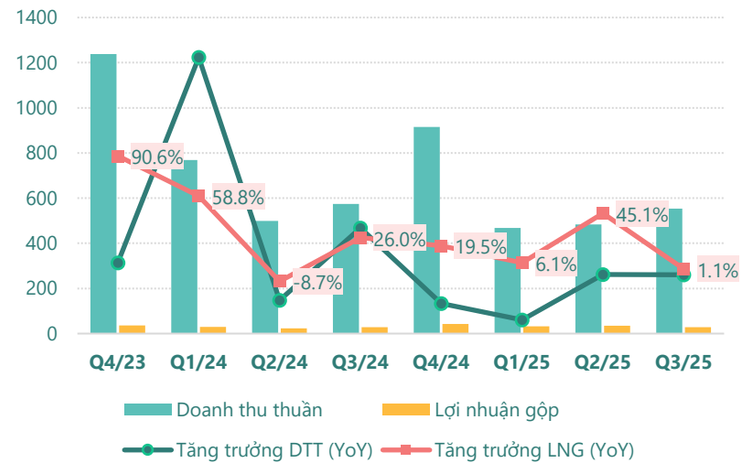
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

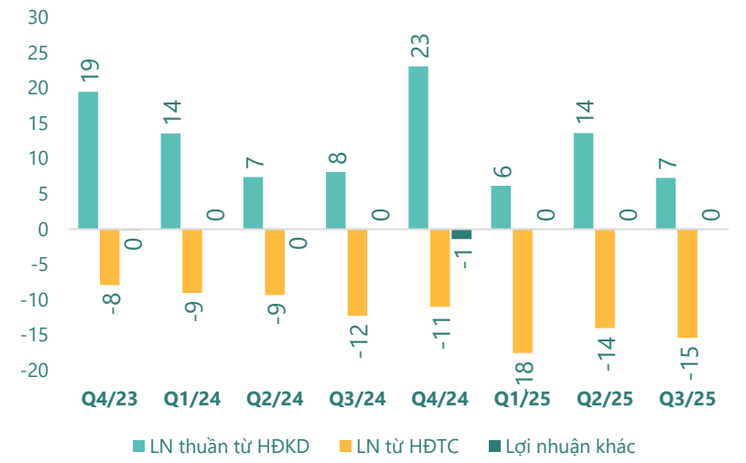
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



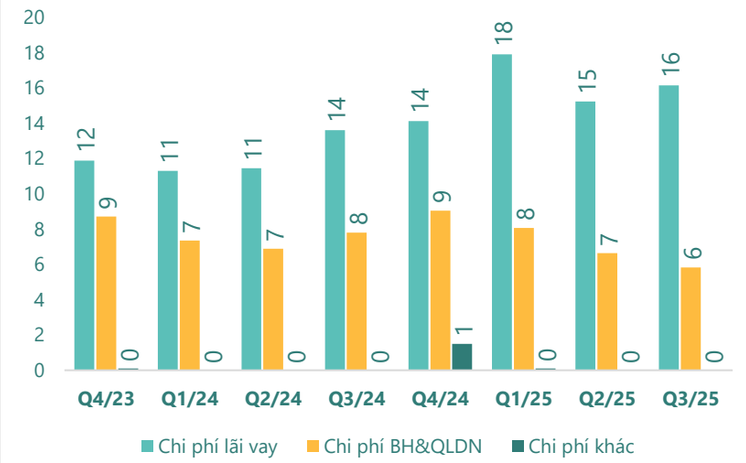
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



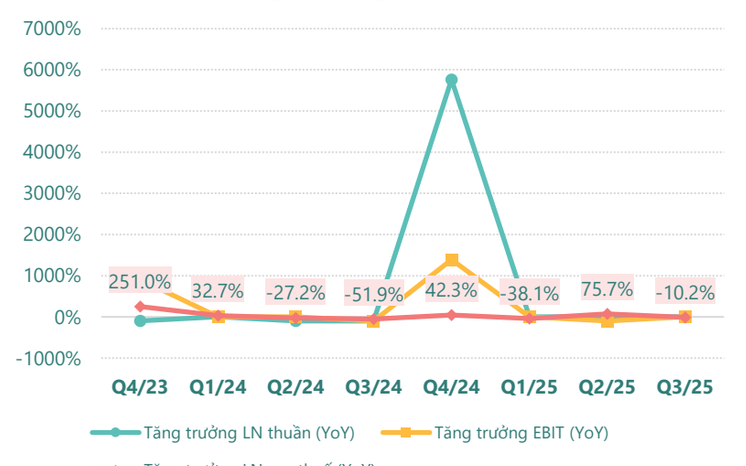
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



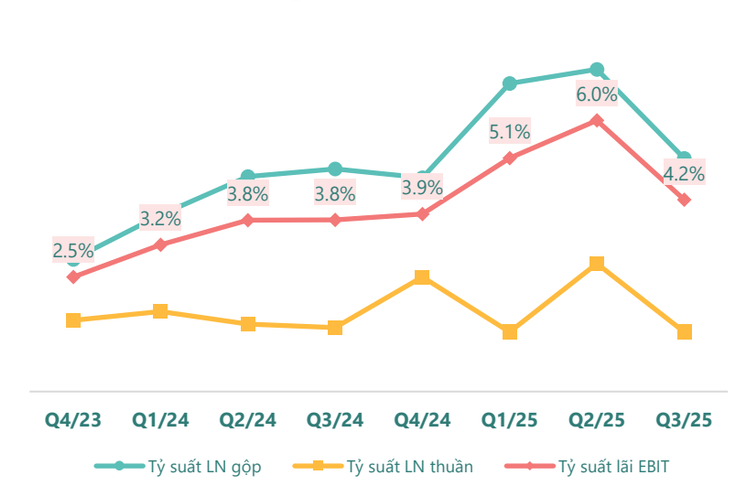
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



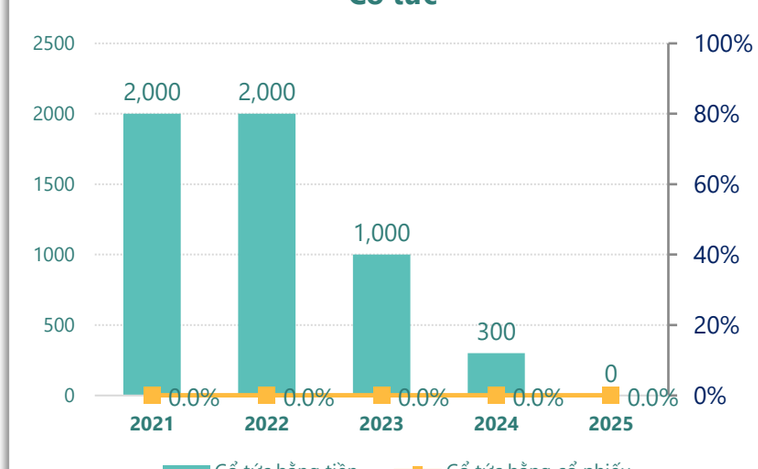
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

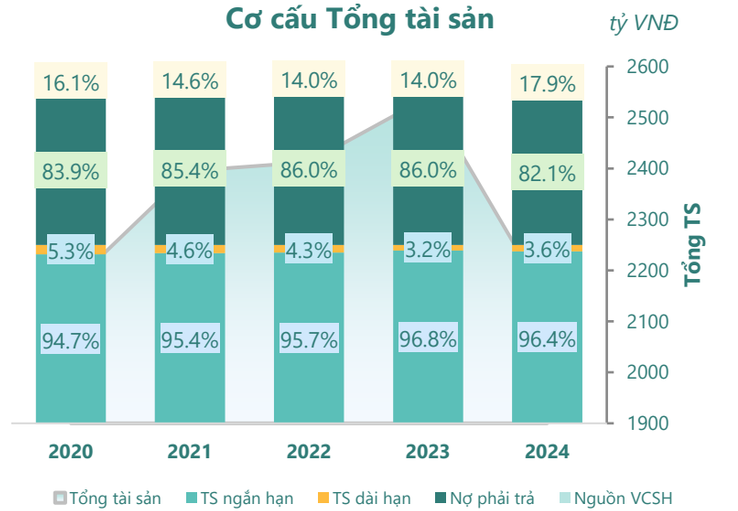
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

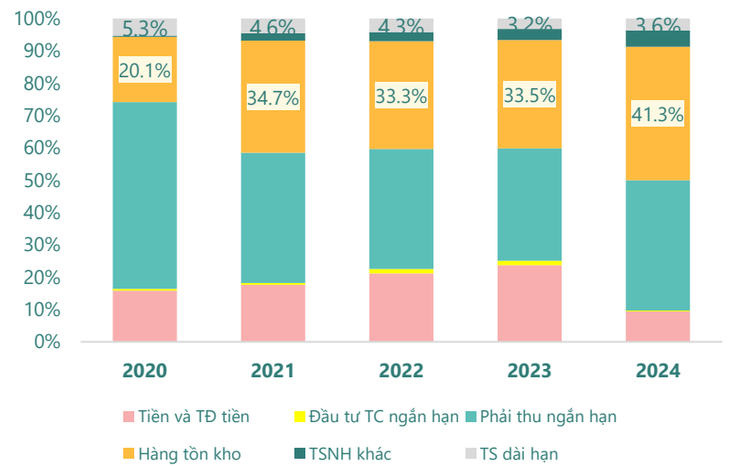
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



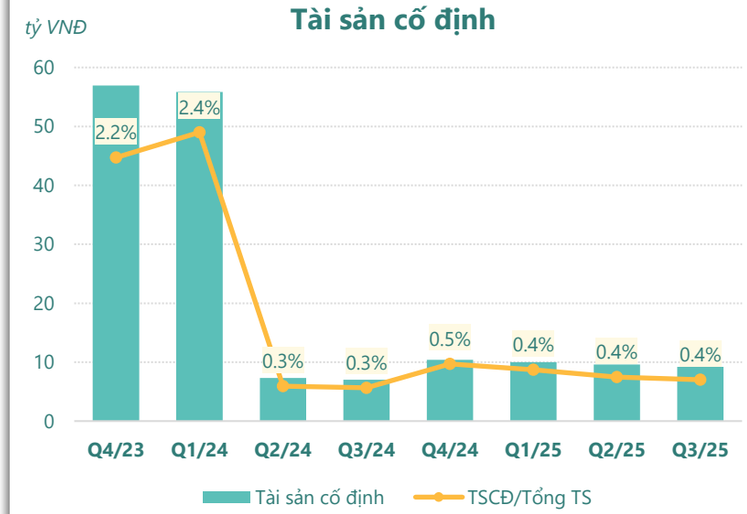
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



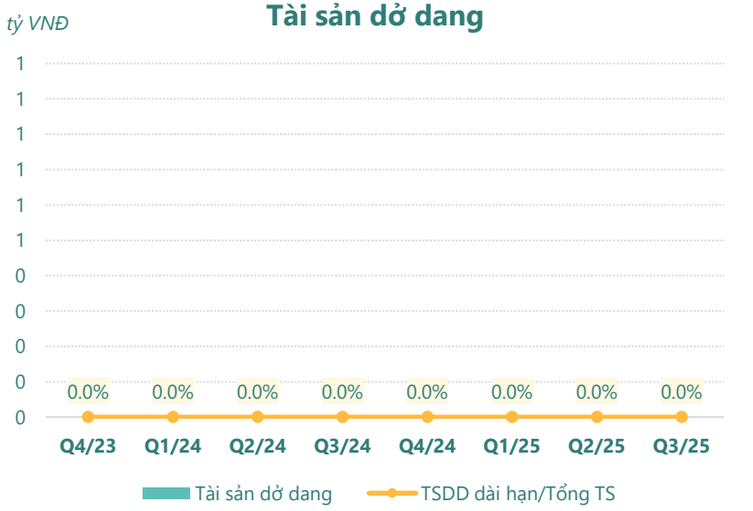
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



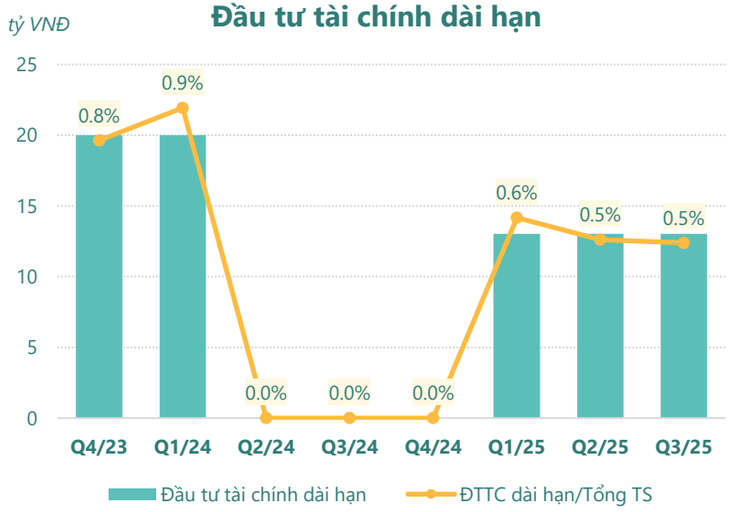
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



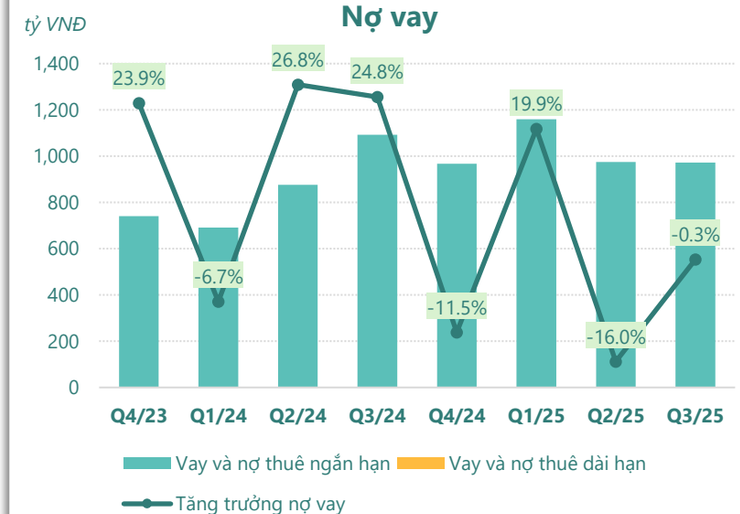
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

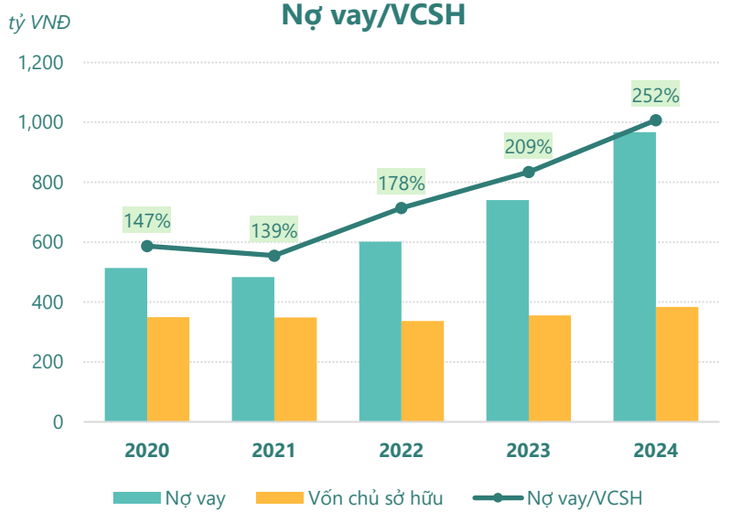
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

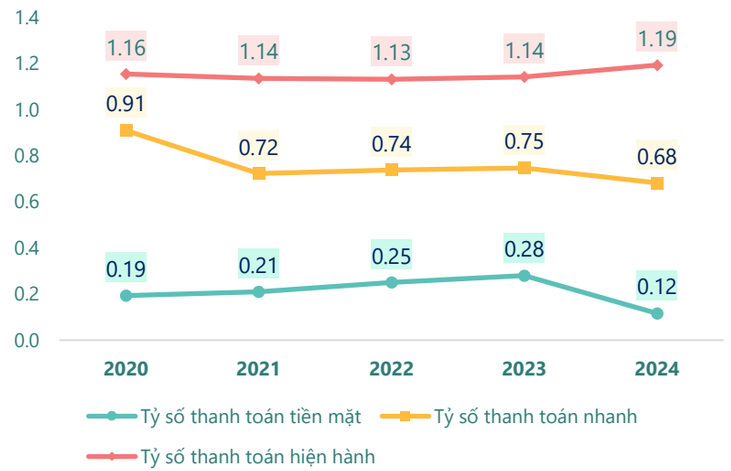
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



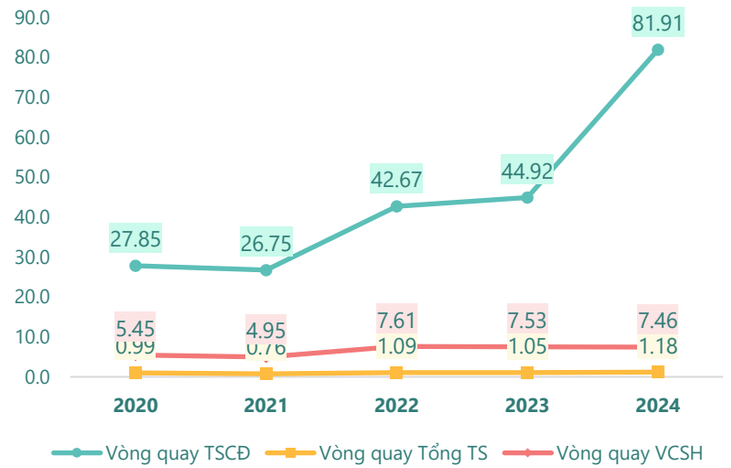
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



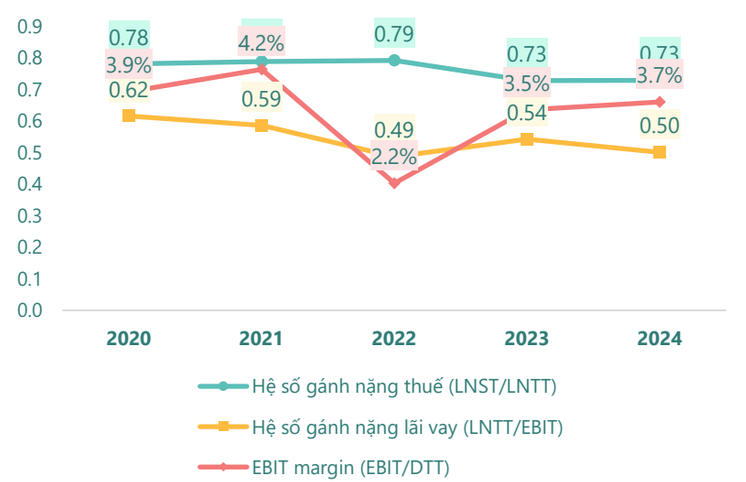
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



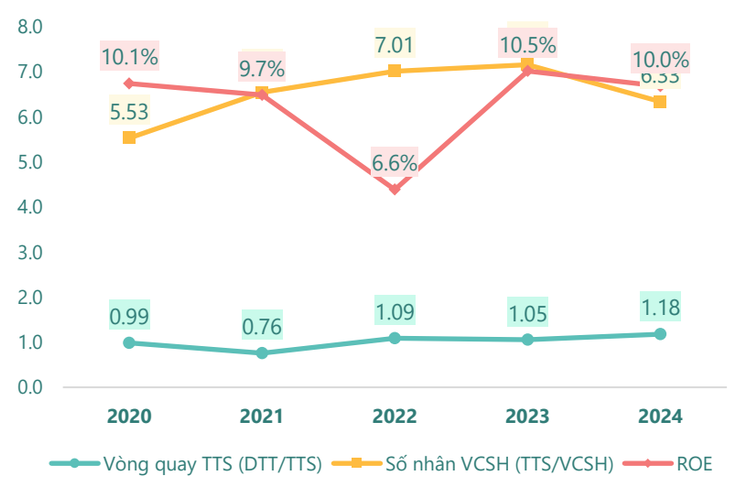
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



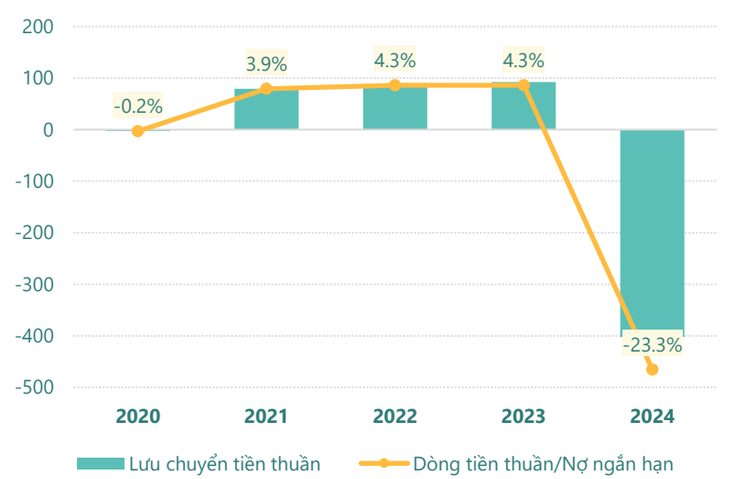
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**554**	**574**	**-3.5%**	**1,505**	**1,842**	**-18.3%**
Giá vốn hàng bán	526	546	-3.7%	1,410	1,760	-19.9%
Lợi nhuận gộp	28.5	28.2	1.0%	94.6	81.8	15.6%
Doanh thu HĐTC	0.78	1.34	-41.9%	2.33	5.72	-59.3%
Chi phí TC	16.2	13.6	18.8%	49.3	36.4	35.6%
Chi phí lãi vay	16.2	13.6	18.8%	49.3	36.4	35.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.00	0.26	-99.9%	0.07	0.68	-89.4%
Chi phí QLDN	**5.83**	**7.54**	**-22.7%**	**20.5**	**21.4**	**-4.2%**
LN thuần từ HĐKD	7.27	8.10	-10.2%	27.0	29.1	-7.0%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0.02**	**-0.01**	**308%**
LN trước thuế	7.27	8.10	-10.2%	27.1	29.1	-6.9%
Lợi nhuận sau thuế	**5.82**	**6.48**	**-10.2%**	**21.4**	**23.3**	**-8.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**5.82**	**6.48**	**-10.2%**	**21.4**	**23.3**	**-8.4%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-173	-292	55.4	-285	262	79.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	24.7	6.66	-0.67	0.35	1.20	0.78
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	185	213	-126	192	-186	-2.46
Tiền đầu kỳ	308	344	271	201	108	186
Lưu chuyển tiền thuần	**36.1**	**-72.3**	**-70.8**	**-92.3**	**77.4**	**77.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.82	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	344	271	201	108	186	263

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,627**	**2,141**	**22.7%**
Tài sản ngắn hạn	2,554	2,063	23.8%
Tiền và tương đương tiền	263	201	31.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.31	7.31	0.0%
Phải thu ngắn hạn	683	862	-20.8%
Hàng tồn kho	1,436	884	62.5%
Tài sản ngắn hạn khác	164	109	50.2%
Tài sản dài hạn	**73.5**	**78.1**	**-5.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.22	10.4	-11.2%
Bất động sản đầu tư	44.0	46.1	-4.6%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	13.0	13.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**7.26**	**8.54**	**-15.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,224	1,757	26.5%
Nợ ngắn hạn	**2,198**	**1,729**	**27.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	972	967	0.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	462	489	-5.5%
Nợ dài hạn	25.4	28.3	-10.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**404**	**384**	**5.1%**
Vốn chủ sở hữu	**404**	**384**	**5.1%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)